

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 132/2024DS-ST

Ngày: 06/6/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trương Văn Hơn

+ Ông Phan Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Không tham
gia.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công
Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-DS ngày 19
tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024;
Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024.

*** Nguyên đơn:** Ngô Quốc B, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Trọng T, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T

*** Bị đơn:** Nguyễn Văn B, sinh năm xxxx;

Phạm thị Hồng H, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Anh T có mặt, anh B và chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Ngô Quốc B và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày:**

Do quen biết nên ngày 01/12/2022 anh Ngô Quốc B có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H vay tiền để làm vốn kinh doanh với số tiền là 1.100.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận là 3%/tháng. Hai bên có làm giấy mượn tiền, thỏa thuận thời gian vay tiền là 06 tháng vợ chồng anh B2, chị H sẽ hoàn trả lại số tiền trên.

Trong quá trình thực hiện, anh B2 và chị H chỉ đóng lãi cho anh Ngô Quốc B được 01 tháng (01/2023) thì ngưng cho đến nay. Anh Ngô Quốc B đã nhiều lần đến gặp mặt trao đổi và yêu cầu vợ chồng anh B2, chị H trả tiền nhưng vợ chồng anh B2, chị H trốn tránh, không muốn trả, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Ngô Quốc B.

Nay anh Ngô Quốc B yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu vợ chồng anh B2, chị H trả số tiền 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng, thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu vợ chồng anh B2, chị H trả tiền lãi theo quy định, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 213.694.536 đồng, cụ thể như sau:

+ Tiền lãi trong hạn trên nợ gốc chưa trả (từ ngày 01/02/2023 đến 01/6/2023): $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% / \text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 73.480.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả (từ ngày 01/02/2023 đến 01/6/2023): $73.480.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 2.439.536 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 02/6/2023 đến 02/11/2023): $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 1,67\% / \text{tháng} \times 05 \text{ tháng} = 137.775.000 \text{ đồng}$.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh B2, chị H nhưng anh B2, chị H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Quốc B.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Anh Ngô Quốc B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H trả số tiền 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng, thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và xin thay đổi yêu cầu tính lãi là nay anh Ngô Quốc B yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Quốc B yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H trả số tiền 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H cư trú tại ấp Kinh Trên, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Bình, chị Hạnh vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Quốc B có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/02/2023 đến khi xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh B1 là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn B1, Hội đồng xét xử xét thấy: anh Ngô Quốc B có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H vay số tiền 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng, trên cơ sở tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Thực tế hợp đồng này đã được xác lập và đã được thực hiện. Anh B2, chị H đã nhận tiền vay của anh B1 nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và trả lãi của mình như thỏa thuận trong hợp đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh B1 cung cấp 01 “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 01/12/2022 do anh B2, chị H ký tên. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa anh B1 với anh B2, chị H đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Mặt khác, kể từ ngày Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh B2, chị H không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu, chứng cứ do anh B1 đưa ra nên anh B1 không phải chứng minh gì khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, anh B2, chị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng vay tài sản nên cần buộc anh

B2, chị H phải trả cho anh B1 số tiền 1.100.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

Đối với ý kiến của anh B2, chị H tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21/12/2023 là vợ chồng anh có nợ số tiền tổng cộng là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) nhưng đã trả số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) cho anh B1. Tuy nhiên, anh B2, chị H không có chứng cứ gì chứng minh việc trả tiền cho anh B1 và phía anh B1 cũng không thừa nhận. Do đó, ý kiến này của anh B2, chị H là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi: anh B1 yêu cầu tính lãi đối với số tiền 1.100.000.000 đồng kể từ ngày 01/02/2022 đến khi Tòa án xét xử là 16 tháng, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền là 146.080.000 đồng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì anh B2, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên anh B2, chị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh B1 là phù hợp với khoản 1 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền 1.100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng = 146.080.000 đồng.

Đối với số tiền lãi anh B2, chị H đã trả cho anh B1 một tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh B2, chị H không có ý kiến gì và yêu cầu gì về số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, anh B2, chị H phải trả cho anh B1 số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.246.080.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

[6] Về thời gian trả: Anh B1 yêu cầu trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của anh B1 là có cơ sở vì số tiền này anh B2, chị H để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh B1 nên cần buộc anh B2, chị H trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Quốc B.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H có trách nhiệm trả cho anh Ngô Quốc B số tiền 1.246.080.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh B1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B2, chị H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh B2, chị H còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm thị Hồng H phải chịu **49.382.400 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Ngô Quốc B **25.975.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013170 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được tính từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nguyễn